

19. Madrolle, **bài đã dẫn**, trang 108-116.
20. Madrolle, **bài đã dẫn**, trang 313.
21. Madrolle, **bài đã dẫn**, trang 312.
22. Madrolle, **bài đã dẫn**, trang 313.
23. Madrolle, **bài đã dẫn**, trang 314.
24. Madrolle, **cùng một chỗ**.
25. Madrolle, **bài đã dẫn**, trang 315.
26. Colonel E. Biguet, **Les Annamites, Société, Coutumes, Religions**, Challamel, Paris, 1906.
— Pierre Gourou, **Terre et l'Homme en Extrême-Orient**, Armand Colin, Paris, 1952.
27. Tư Mã Thiên, **sách đã dẫn**, quyển 6, trang 25 cột 2.
28. Tư Mã Thiên, **sách đã dẫn**, quyển 113, trang 25¹ cột H.
29. Lưu An, **Houai-nan tseu**, quyển 18, Nhân Gian huân, tờ 18a, cột 8.
30. Tư Mã Thiên, **sách đã dẫn**, quyển 118, trang 260, cột 2.
31. Tư Mã Thiên, **chỗ vừa dẫn**.
32. Ban Cố, **Tiền Hán thư**, quyển 28, trang 426 cột 4.
33. Henri Maspéro, **Etudes d'Histoire d'Annam. V. L'Expédition de Ma Yuan**, BEFEO. tập XVIII trang 13 chú 2.
34. Phạm Việp, **Hậu Hán thư**, quyển 33, trang 710, cột 2.
35. Lê Đào Nguyên, **Thủy kinh chú**, quyển 116, tờ 3b. Henri Maspero, **bài đã dẫn**, trang 14, chú 7.
36. Tư Mã Quang, **Tư Trị Thông Giám**, quyển 52, tờ 8b.
37. Nguyễn Phương, «Tiên trình hình thành dân tộc Việt Nam», **Đại Học**, Huế, số 32.

CHƯƠNG THỨ BẢY

Hành chánh cổ Việt thời

Bắc thuộc

HÀNH CHÁNH CỔ VIỆT THỜI BẮC THUỘC

Khi người Trung Hoa sang cổ Việt, nghĩa là đến làm chủ đất đai mà họ gọi là Giao chỉ, Cửu châu, Nhật nam, đất đai này không bị cai quản bởi một hệ thống hành chính trung ương nào. Thổ dân bây giờ gồm nhiều bộ lạc khác nhau mà bộ lạc đông nhất có lẽ là dân Lạc Việt.

Dân Lạc Việt chiếm một phần của đất Giao chỉ, một phần của đất Cửu Châu, và đã có một guồng máy cai trị đơn giản, gồm Lạc vương, Lạc hầu, Lạc tướng. Các dân khác bây giờ chắc chắn còn sống hoàn toàn đời sống cổ hủ của dân man mợi, mỗi nhóm họp thành một đơn vị độc lập, đã không có liên lạc với nhau, lại còn thù ghét nhau là đằng khác. Lịch sử có cho biết một vài giồng người đó, ví dụ giồng Tây-đổ-di ở Nhật nam, giồng Phù-nghiêm ở Giao chỉ...

I. HÀNH CHÁNH THỜI NHÀ HÁN. (10)

1) Thời Tây Hán (202 tr. K.N. — 9 sau K.N.).

Trong thời Tây Hán, tổ chức hành chính ở cổ Việt kẻ ra khá đầy đủ. Khi Lộ Bác Đức chinh phục xong Nam Việt, vào năm Nguyên định thứ sáu đời Hán Võ đế (III tr. K.N.), đất cổ Việt được chia ra làm quận huyện theo hệ thống hành chính của Trung quốc lúc bây giờ. Như thế, chúng

ta có :

a) Quận Giao chỉ, gồm mười huyện, là :

Luân lâu
An định
Câu lậu
Mê linh
Khúc dương
Bắc đại
Kê từ
Tây vu
Chiêu diên
Long biên

b) Quận Cửu châu, gồm bảy huyện, là :

Tư phủ
Cư phong
Đô long
Tư phát
Hàm hoan
Vô công, Vô biên.

c) Quận Nhật Nam, gồm năm huyện, là :

Châu ngô,
Bắc canh
Lư dung
Tây quyền
Tượng lâm.

Quận giới và Huyện giới không được ghi lại rõ. Dầu vậy, chúng ta cũng biết được một cách đại khái rằng quận Giao chỉ nằm vào phần đất Bắc Việt ngày nay, Quận Cửu châu thì nằm vào vùng Thanh, Nghệ, Tĩnh, và quận Nhật nam từ đèo Ngang vào đến Hải Vân. Huyện giới cổ nhiên là mập mờ hơn. Chúng ta có thể đoán được

rằng Liên lâu ở vào vùng Bắc ninh, Long biên vào vùng Hà Nội, nhưng những huyện như Võ biên, Võ công, hoặc Tây quyền, Tượng lâm, thật là khó mà đặt được vào một nơi nào nhất định ở các quận Cửu chân hay Nhật nam.

Như ở quận khác thuộc Trung quốc, các quận ở cổ Việt có thái thú cai trị, còn huyện thì do trưởng lại đứng đầu. Quận chưa phải là đơn vị hành chính trực thuộc triều đình, vì trên quận còn có bộ. Giao chỉ bộ, lập từ năm III tr. K.N., gồm ba quận của cổ Việt và các quận Nam hải Thương ngô, Uất lâm, Hợp phò. Đứng đầu bộ có thứ sử đóng ở Long Biên. Lối 106 tr. K.N.. Hán đề lập thêm hai quận nữa, cũng thuộc về Giao chỉ bộ, là Châu nhai và Đạm nhi. Nhưng rồi Chiêu đế (86-74 tr. K.N.) bỏ quận Đạm nhi năm 82 tr. K.N., và Nguyên đế (48-33 tr. K.N.) bỏ quận Châu nhai năm 46 tr. K.N.

Tiền Hán thư có cho biết dân số của các quận ở cổ Việt. Theo Ban Cố thì Giao chỉ có 746.257 người, Cửu chân có 166.013 người, và Nhật Nam có 65.460 người. Con số này nằm vào cuối nhà Tây Hán, nghĩa là lối đầu Kỷ Nguyên. Chắc nó không phải chỉ gồm có thổ dân mà còn gồm một số càng ngày càng đông thêm của những người Trung quốc sang định cư tại cổ Việt. Dầu sao, bây giờ đại đa số dân chúng vẫn còn là thổ dân, nên việc cai trị còn rộng rãi. Các bộ lạc còn được phép duy trì hình thức hành chính riêng của họ, như dân Lạc việt vẫn còn giữ Lạc tướng. Nhưng các nhà cầm quyền ở cấp huyện và nhất là cấp quận, phải là những người do Hán Triều gửi qua. Lực lượng chính qui bảo vệ an ninh cũng phải gồm lính Trung quốc. Trong thời Tây Hán, vào đầu Kỷ nguyên, cổ Việt đã được may mắn gặp một số quan lại hiền đức, như Tích Quang (Giao chỉ), Nhâm Diên (Cửu chân).

2) Thời Đông Hán (25-220). (2)

Ở cổ Việt, thời Đông Hán đã bắt đầu với những thay đổi về người cũng như về chính sách. Chúng ta biết rằng Tô Định đã thay thế Tích Quang ở Giao chỉ, đã đem luật pháp nghiêm nhặt ra áp dụng và vì đó đã gây nên cuộc nổi dậy của hai chị em Bà Trưng. Chúng ta cũng biết rằng Mã Viện dẹp hai Bà Trưng rồi, đã giải thích luật pháp Trung quốc cho dân Lạc việt và bắt họ giữ, đã cắt chia huyện Tây vu để đặt thêm hai huyện mới là Phong khê và Vọng hải, đã truyền xây thành hào chung quanh các huyện lỵ và huyện trong thời Đông Hán gọi là thành. Như thế Giao chỉ có 12 huyện thay vì 10 huyện. Trái lại Cửu chân chỉ còn năm huyện thay vì bảy huyện, vì hai huyện Đồ long, Từ phát đã bị bãi đi. Phần quận Nhật nam, vẫn giữ năm huyện. Nên nhớ, trong thời Đông Hán, huyện đổi ra thành.

Năm 144, thái thú Giao chỉ là Chu Xương tâu xin Thuận đế (126-144) lập Giao chỉ bột hành Giao châu, nhưng không được chấp thuận. Đến đời Hiến đế (190-220), năm Kiến an thứ tám, tức là 203, Thứ sử bộ Giao chỉ, Trương Tân, cùng thái thú Giao chỉ là Sĩ Nhiếp, cả hai đồng dâng biểu về triều xin đổi bộ Giao chỉ ra Giao châu. Lần này lời xin có kết quả và Trương Tân được đặt làm Giao châu mục. Năm đó, châu trị bắt đầu đặt ở thành Quảng tín, thuộc quận Thương ngô. Năm 210, châu trị lại được dời đến Phiên ngung, quận Nam hải. Vị châu mục ở Phiên ngung có thẩm quyền trên bảy quận, nghĩa là ngoài ba quận ở cổ Việt, còn có:

quận Nam hải, gồm bảy thành,
quận Thương ngô, gồm 12 thành,
quận Uất lâm, gồm 11 thành,

quận Hợp phò, gồm năm thành.
Kể ra, tất cả Giao châu có 56 thành.

II. HÀNH CHÁNH THỜI NHÀ NGÔ (220-279) (3)

Khi nhà Đông Hán mất quyền, năm 220, có Việt không phải thuộc về nhà Thục Hán (221-264), mà lại thuộc về nhà Ngô. Làm chủ trong một thời gian không lâu, nhà Ngô đã có những cải tổ lớn.

Năm 225, Giao chỉ có loạn. Năm đó, Sĩ Nhiếp mất, con ông là Sĩ Huy nổi dậy ở Giao chỉ, lại chỉ được làm thái thú Cửu chân, nên cắt quân chiếm giữ thành trì chống với Bắc triều. Cũng lúc đó, nhà Ngô thấy đất Giao châu rộng nên đem chia làm hai, là Quảng châu, gồm bốn quận Nam hải, Thương ngô, Uất lâm. Hợp phò, và Giao châu, gồm các quận ở cổ Việt. Ngô Tôn Quyền đặt Lữ Đại làm thứ sử Quảng châu, và Đái Lương làm thứ sử Giao châu. Ông này có bốn phạm phải chiến đầu mới vào được nhiệm sở vì Sĩ Huy đã làm loạn. Nhưng ông tính hiền nhạt, dè dặt giới cổ Việt rồi lại rút lui, không dám liều. Bấy giờ Lữ Đại được lệnh cầm quân dẹp loạn, Ông dùng mưu giết Sĩ Huy, thắng được đồ đảng, và nhà Ngô tái lập Giao châu gồm bảy quận như trước, cho Lữ Đại làm thứ sử. Năm 242, Tôn Quyền lại lập ra quận Châu nhai thuộc quyền thứ sử Giao châu.

Đền đời Ngô Tôn Hạo (264-279), vào năm 264, nhà Ngô lần nữa đem Giao châu chia ra làm hai, là Quảng châu và Giao châu. Quảng châu gồm ba quận là Uất lâm, Thương ngô, Nam hải. còn bao nhiêu quận khác thuộc Giao châu, lý số ở Long biên. Bảy năm sau — 271 — Tôn Hạo lại sửa đổi khu vực hành chính. Năm đó,

quân nhà Ngô vừa đánh lấy lại Giao châu dẹp dân mọi Phù nghiêm ở phía trên Giao chỉ, nên Ngô Chúa lập hai quận mới là Tân xương và Võ bình. Ở miền trung, Cửu chân cũng được cắt ra để lập thêm quận Cửu đức. Như thế đất cổ Việt được chia như sau :

1) Quận Giao chỉ có 14 huyện, là :

- Long biên,
- Câu lậu,
- Vọng hải,
- Liên lâu,
- Tây vu,
- Võ ninh,
- Châu diên.
- Khúc xương,
- Ngô hưng,
- Bắc đài,
- Kê từ,
- An định.
- Võ an,
- Quân bình.

2) Quận Tân xương có 6 huyện, là :

- Gia ninh,
- Mê linh,
- Ngô định,
- Phong sơn,
- Lâm tây,
- Tây đạo,

3) Quận Võ bình có 7 huyện là :

- Võ bình,
- Võ hưng,
- Tiền sơn,
- Căn ninh,
- An võ,
- Phù an,
- Phong khê.

4) Quận Cửu chân có 6 huyện, là :

- Tư phủ,
- Di phong,
- Trạm ngô,
- Kiên sơ
- Thường nhạc,
- Phù nhạc.

5) Quận Cửu đức có 7 huyện, là :

- Cửu đức,
- Hàm hoan,
- Dương thành,
- Phù linh,
- Khúc tư,
- Phò dương,
- Đô long.

6) Quận Nhật nam có 5 huyện, là :

- Tượng lâm
- Lư dung,
- Châu ngô,
- Tây quyền,
- Bắc cảnh.

Như thế, nếu đem so số thành ở Giao chỉ của thời Hậu Hán, chúng ta sẽ thấy Liên lâu, bị chia làm 2 để lập ra Gia ninh của quận Tân xương, ngoài ra, nhà Ngô đã thêm đến 13 huyện mới. Các huyện mới này, một số do huyện cũ phân chia ra, và một số khác hoàn toàn tân lập ở lĩnh thổ chiếm được của dân Phù nghiêm.

Một điều nữa đáng lưu ý, đó là các huyện của Cửu chân và Cửu đức. Quận Cửu chân là khu vực của hai huyện (hay thành) cũ, Tư phủ và Cư phong (nay đổi là Di phong) đem phân

chia ra. Ở quận Cửu đức, chỉ có tên Hàm hoan là địa danh cũ, còn bao nhiêu nữa là những địa danh mới do nhà Ngô đặt. Sự thêm số quận và huyện ở vùng Giao chỉ và Cửu chân, một phần lớn là do số người Trung quốc di cư sang nhiều, và công cuộc khai khẩn phát triển thêm.

III. HÀNH CHÁNH THỜI NHÀ TÂN (265-420) (4)

Nhà Tân diệt được nhà Ngô năm 279 và từ đó mới toàn quyền làm chủ đất cổ Việt. Dẫu vậy, trước đó, hai bên đã có lần tranh giành quyền bính ở Giao châu. Vừa lấy được đất Thục Hán và lên ngôi thiên tử, Tần Võ đế (265) đã sai người sang cai trị Giao Châu. Đến năm 279, nhà Tân bỏ quận Châu nhai, lấy đất nhập vào quận Hợp phủ. Đàng khác Hiếu Võ đế (265-289) cắt đất Nhật nam để lập một quận mới gọi là Tống bình, nhưng về quận này chúng ta không biết gì khác ngoài cái tên vừa nói.

Đại khái, nhà Tân đã tiếp tục cách tổ chức của nhà Ngô, chỉ lập thêm vài ba huyện, và đổi tên vài ba huyện khác. Ví dụ :

Ở quận Giao chỉ :

- Đôi Ngô hưng ra Giao hưng,
- Võ an ra Nam định.
- Quân bình ra Hải bình ;

Ở quận Cửu đức :

- Đôi Dương thành ra Dương viên,
- Thêm huyện Nam lăng ;

Ở quận Cửu chân :

- Đôi Di phong và Cư phong,
- Thêm huyện Tùng nguyên.

IV. HÀNH CHÁNH

. THỜI NHÀ TÔNG (420-477). (5)

Thời nhà Tông vừa vãn lại vừa sóng gió. Ngay ở chôn thần kinh, việc cai trị đã lộn xộn, hưởng hồ ở nơi biên viễn như Giao châu. Chương «Châu Quận Chí» của *Tông Thư* phản ánh tình hình rời rạc về mặt hành chánh. Chúng ta thấy số quận huyện không được rõ ràng, không biết vì trung ương không kiểm soát được hoặc vì nhà chép sử không có đủ tài liệu để ghi. Theo *Tông Thư* thì Giao châu bây giờ gồm có :

1) Quận Giao chỉ, lãnh 12 huyện :

Long biên,
Cầu lậu,
Châu diên,
Ngô hưng
Tây vu,
Định an
Vọng hải,
Hải bình,
Võ ninh,
Liên lâu,
Khúc dương,
Nam định.

2) Quận Võ bình, lãnh 4 huyện :

Võ bình,
Ngô định,
Tân đạo,
Tiền hóa

3) Quận Cửu chân, lãnh 11 huyện

Di phong,
Tư phổ,

Tùng nguyên,
Cao an,
Kiền sơ,
Thường nhạc,
Quân an,
Võ ninh,
Đô long,
Ninh di,
Tâu ngô.

4) Quận Cửu đức, lãnh 12 huyện :

Phổ dương,
Dương viễn,
Cửu đức,
Hàm hoan,
Đô thái,
Tây an,
Nam lãng,
Việt thường,
Tông thái,
Tông xương,
Hy bình.

5) Quận Nhật nam, lãnh 7 huyện :

Tây quyền,
Lư dung,
Tượng lâm,
Thọ linh,
Châu ngô,
Vô lao,
Bắc cảnh.

6) Quận Tông bình.

Giao châu, thời nhà Tông, còn gồm cả quận Hợp Phố nữa, nhưng quận này, năm 471, Tông Minh đế (465-472) đã đổi tên là Việt châu.

V. HÀNH CHÁNH THỜI CÁC NHÀ TỀ, LƯƠNG, TRẦN VÀ TÙY. (6)

Nhà Tề giữ ngôi hoàng đế ở Trung quốc từ 479 đến 501 và chỉ để lại một thay đổi mà thôi, là gọi Phong Khê bằng tên Xương quốc.

Nhà Lương kế nhà Tề từ 502 đến 556, đã gọi vùng Cửu châu là Ai châu vùng Cửu đức là Đức châu, vùng Nhật nam là Lợi châu và Minh châu.

Nhà Trần (557-589) không để lại một cái tỏ nào.

Đền nhà Tùy (590-617) việc hành chính ở cổ Việt lại được chú ý tới, Các châu cũ đều đổi làm quận, một số địa danh trước kia dùng để chỉ một nơi, nay lại đem đi chỉ nơi khác, có chỗ quận bị hạ xuống làm huyện, hay huyện được đem lên làm quận, cũng là thêm một vài quận mới, lại trên các quận không còn có một cơ quan thượng cấp nào trừ triều đình.

Đây, cách chia các đơn vị hành chính thời nhà Tùy:

1) Quận Giao chỉ, gồm chín huyện:

Tông bình, trước là tên quận ở phía Nam Nhật nam,

Long biên,

Châu diên, trước là quận Võ bình, bị bỏ năm 590,

Long bình, trước là Võ định, năm 598 đổi ra tên đó,

Bình đạo, trước là Xương quốc, năm 592 đổi ra tên đó,

Giao chỉ,

Gia ninh,

Tân Xương,

An nhân, trước là Lâm tây.

2) Quận Cửu châu, gồm bảy huyện:

Cửu châu,

Di phong,

Tư phủ,

Long an, trước là Cao an, năm 598 đổi ra tên đó,

Quân an,

An thuận, trước là Thường nhạc,

Nhật nam, trước là tên quận ở phía nam Cửu đức, nay là tên huyện thuộc Cửu châu.

3) Quận Nhật nam, trước là Đức châu, năm 598, đổi ra Hoan châu, rồi gọi bằng Nhật nam (nhớ không phải Nhật nam như trong thời Hán), gồm tám huyện:

Cửu đức,

Hàm hoan,

Phủ dương,

Việt thường,

Kim ninh, thời nhà Lương gọi là Lợi châu, năm 598 đổi là Trí châu, 509, gọi bằng tên đó,

Giao cốc, nhà Lương gọi là Ninh châu, năm 605 đổi ra tên đó,

An viễn,

Quan an, trước là Tây an, năm 598 đổi ra tên đó,

4) Quận Bắc cảnh, gồm bốn huyện:

Bắc cảnh,

Châu ngô,

Thọ linh,

Tây quyền,

5) Quận Hải âm, gồm bốn huyện:

Tân dung,

Châu long,

Đa nông,
An lạc.

- 6) Quận Lâm ấp, gồm bốn huyện:
Tượng phò,
Kim sơn,
Giao giang
Nam cực.

Chúng ta nhận thấy rằng phần đất của quận Nhật nam thời Tống đã được lấy chia làm ba quận mới là Bắc cảnh, Hải âm, và Lâm ấp, Sự phân chia này là kết quả của trận thắng Lâm ấp của tướng Lưu phương năm 604. Bắc cảnh trước được gọi là Đàng châu, Hải âm là Nông châu, và Lâm ấp là Xung châu. sau mới đổi ra quận,

VI. HÀNH CHÁNH THỜI NHÀ ĐƯỜNG (618 - 906). (7)

Nhà Đường trong thời gian cai trị, gán ba thế kỷ, đã cải tổ hệ thống hành chính ở cổ Việt nhiều lần. Một trong những lần cải tổ lớn nhất được thực hiện vào năm 622, tức là năm Võ Đức thứ năm của đời Đường Cao tổ (618-626). Cao tổ chia đất cổ Việt ra làm hai Tổng quản phủ, Giao Châu Tổng quản phủ và Đức Châu Tổng quản phủ. Sau đây là thành phần của mỗi phủ:

- a) Giao phủ gồm 13 quận là:
- 1) Giao châu. có hai huyện:
Giao chi
Hoài đức.
 - 2) Tống châu, có ba huyện:
Tống bình
Hàng nghĩa
Nam định

- 3) Long châu, có ba huyện:
Long xuyên
Võ ninh
Bình nhạc
- 4) Thuận châu, có ba huyện:
Đông hà,
Kiến xương
Biên Hà
- 5) Từ châu, có ba huyện:
Từ liêm
Ô diên
Võ lập
- 6) Diên châu có hai huyện:
Cao lăng
Định an
- 7) Phong châu, có sáu huyện:
Gia ninh
Tân xương
Phong Khê
An châu
Trúc đế
Thạch đế.
- 8) An châu, có bốn huyện:
Long an
Giao sơn
Kiến an
Đô quật
- 9) Đạo châu, có hai huyện:
Bình đạo
Xương quốc

10) Sơn châu, có năm huyện :

Vọng sơn,
Châu nhuận
Cổ an
Kiên công

11) Vinh châu, có ba huyện :

Cử cao
Kiên chính
Châu ninh

12) Lan châu, có một huyện :

Hân thành

13) Võ nga châu, có bốn huyện :

Võ nga
Võ lục
Võ lao
Lương sơn

B. Đức phủ, gồm mười châu, là :

1) Đức châu, có bảy huyện :

Tích thiện
Tân ngô
Phương tài
Phạm Long
Như hầu
Bác phạm
Trần tịnh

2) Phúc lộc châu, có hai huyện :

Phú lộc
Nhu viễn

3) Trường châu, có bốn huyện :

Văn dương

Đông thái

Trường sơn

Kỳ thường

4) Hoan châu, có bốn huyện :

An nhân
Phù diễn
Tương cảnh
Tây nguyên

5) Minh châu, có ba huyện :

Vạn an
Minh hằng
Minh định

6) Tri châu, có bốn huyện :

Văn cộc
Kim ninh
Tân trần
Đồ văn

7) Lâm châu, không có huyện.

8) Cảnh châu, không có huyện.

9) Nguyên châu, không có huyện.

10) Hải châu, không có huyện.

Việc cải tổ năm 622 này không tồn tại y nguyên được lâu dài. Nhiều sửa đổi lớn dần dần được thực hiện, nhất là trong đời Đường Thái tông (627-649).

Những sửa đổi lớn đáng chú ý có lẽ là những chỗ sau đây:

— Năm 628, Giao châu Tổng Quản phủ được đổi thành Giao châu Đô đốc phủ. Đức châu Tổng Quản phủ thành Hoan châu Đô đốc phủ.

— Năm 679, Giao châu và Hoan Châu Đô đốc phủ được đổi thành An nam đô hộ phủ.

— Năm 757, An nam Đô hộ phủ được đổi thành Trần Nam Đô Đốc phủ.

— Năm 758, Lần đầu tiên đặt Tiết Độ sứ.

— Năm 768, Trần Nam Đô Đốc phủ lại đổi thành An nam Đô đốc phủ.

Về những thay đổi ở các châu huyện, sau đây xin trình bày theo từng đời vua.

Ngay trong đời Cao tổ, Giao phủ đã được thêm một châu mới, gọi là Ngọc châu (624), Cũng năm 624, Vĩch châu được đổi làm Đô châu. Năm trước đó, Đường đế đã rút Nam định ra khỏi Tông châu và cho nhập vào Giao châu. Vua cũng thêm chữ Nam vào trước tên các Châu như Từ, Tông, Đạo, Long, Đức.

Trong đời Thái tông, người ta có khuynh hướng rút bớt số châu huyện lại để nhập vào nhau làm thành những đơn vị hành chính lớn hơn. Ngay năm 627, tức là năm đầu hiệu Trinh quân và cũng là năm đầu đời Thái Tông, chúng ta đã thấy:

— Bỏ Nam Tông châu, lấy các huyện Hằng nghĩa, Hoài đức, nhập vào huyện Tông bình, thuộc Giao châu,

— Bỏ Nam Long châu, lấy Long xuyên, Võ ninh, Bình nhạc, nhập vào huyện Long biên, thuộc Giao châu,

— Bỏ Diên châu, lấy các huyện Cao lăng, Định an làm thành huyện Châu diên, thuộc Giao châu,

— Bỏ Nam Từ châu, lấy các huyện Từ liêm, Ô diên, Võ lập, nhập vào Giao chỉ.

Năm 636, lại bỏ thêm Tiên châu, lấy huyện Xương quốc nhập vào huyện Bình Đạo thuộc Giao châu. Như thế, vào năm 649, Giao châu gồm có các huyện:

Tông bình
Long biên
Bình đạo
Châu diên
Nam định

Ở Phong châu, năm 627, vua lấy các huyện Phong Khê, Thạch đê, nhập vào huyện Gia ninh lấy huyện Trúc lạc, nhập vào huyện Tân xương. Phong châu như thế chỉ còn có hai huyện, là:

Gia ninh
Tân xương

Năm 628, Ngọc châu được đổi làm Khâm châu.

Năm trước đó Đô châu đã được đổi làm Tiên châu, và rồi năm 636, Tiên châu lại trở thành huyện Di phong, thuộc Ai châu.

Tại Đức phủ, trong đời Thái tông, có những thay đổi như sau:

— Năm 627, đổi Đức châu ra Hoan châu, và Hoan châu thì lại đổi ra Diên châu,

Lấy các huyện Tích thiện, Phương tài làm Hậu Chân châu, rồi bỏ đi mà lập lại huyện Cửu đức thuộc Ai châu.

Lấy các huyện Phàn long, Như hầu, Bác phạn, Trần định làm Từ châu, sau cũng bỏ để lập lại huyện Từ phủ, thuộc Ai châu.

— Năm 628, đổi Hoan châu Tổng quản phủ làm Hoan Châu Đô đốc phủ.

— Năm 634, lập lại huyện Do văn, bỏ Cảnh châu,

— Năm 635, lấy huyện Tương cảnh nhập vào huyện Phù diên

— Năm 636, bỏ Diên châu nhập vào Hoan châu, bỏ Minh châu.

— Năm 639, bỏ Trí châu,

— Năm 642, lấy đất Diễn Châu cũ lập huyện Hàm hoan, thuộc Hoan châu.

Vào cuối đời Thái tông (649), trong vùng Hoan châu Đồ độc phủ, chỉ còn lại Hoan châu Trường châu, Phú Lộc châu và kể tất cả cỏ Việt thì chỉ còn chín châu :

Giao châu,
Phong châu
Khâm châu
Lan châu
Võ Nga châu
Ái châu
Phúc Lộc châu
Trường châu
Hoan châu

Trong đời Cao tông (650-683), việc thay đổi lớn nhất, như đã nói trên, là vào tháng tám, năm đầu, hiệu Châu lộ (679), toàn cõi đất cỏ Việt đã được gọi là An nam Đồ Hộ phủ. Ngoài ra, năm 657, Tiên châu cũ được lấy làm huyện Quán ninh, và huyện Long an đổi ra huyện Sùng an thuộc Ái châu.

Qua các đời Võ hậu (684-705), Trưng tông (705-710) Dục tông (710-712), không xảy ra điều gì mới, nhưng từ đời Huyền tông (712-756), thiên triều lại nhớ đến cỏ Việt. Năm 712, huyện Long bình được đổi làm Thái bình, nhất là năm 742, hầu hết các châu đều đổi ra làm quận. Và chúng ta có :

An nam phủ
Thừa Hóa quận, trước là Phong châu,
Hân Thành quận, trước là Lan châu,
Võ Nga quận,
Cừu Chân quận, trước là Ái châu,
Phúc Lộc quận,

Ván dương quận, trước là Trường châu,
Nhật nam quận, trước là Hoan châu.

Năm 758, trong đời Đức tông (756-761), cỏ Việt được đặt dưới quyền một viên An Nam Tiết độ sứ, và lãnh thổ lại chia thành 11 châu, như sau :

Giao châu
Lục châu, do Ngọc Châu đổi ra từ năm 675
Phong châu
Lan châu
Võ Nga châu
Ái châu
Trường châu
Phúc Lộc châu
Diễn châu
Hoan châu
Võ An châu.

Võ An châu, mới thuộc về An Nam phủ trong thời Khai nguyên (719-741).

Từ đó nhà Đường gặp nhiều khó khăn chẳng những ở trung ương mà cả đời với dân di dịch phía bắc, nên ít quan tâm đến miền nam. Mãi đến khi quân Nam chiêu nổi dậy quày phá, Đường triều mới lại có một vài cải cách.

Năm 863, đời Ý tông (860-873), khi đất Giao chỉ bị quân Nam chiêu chiếm cứ, Hành Giao châu được lập ở Hải môn để lo việc chống cự. Ba năm sau, Cao Biền dẹp yên được loạn, và vùng Giao châu được đổi tên là Tĩnh hải. Từ đó Trung quốc rồi loạn liên tiếp, nhà Đường không còn lưu ý đến cỏ Việt nữa.

Vào cuối nhà Đường, tỉnh ra đất cỏ Việt gồm có :

1) Tĩnh hải với tám huyện :

Tông bình
 Nam định
 Thái bình
 Giao chỉ
 Châu diên
 Long biên
 Bình đạo
 Võ bình

2) Phong châu với năm huyện :

Gia ninh
 Thừa hóa
 Tân xương
 Cao sơn, lập thời Nguyên hòa
 Châu lộc, lập thời Nguyên hòa

3) Ai châu với năm :

Cửu châu
 An thuận
 Sùng bình
 Nhật nam
 Trường lâm, tức là Vô biên cũ.

4) Hoan châu với bốn huyện :

Cửu đức
 Phổ dương
 Việt thường
 Hoài hoan, tức là Hàm hoan cũ.

VII. HÀNH CHÁNH THỜI NGŨ ĐẠI (907-960)

Bây giờ là trong những thời bất ổn nhất của Trung quốc. Chính quyền trung ương rất yếu.

Hào kiệt nổi lên tự lập khắp nơi. Đất cổ Việt một thời ở trong tay họ Khúc là tiết độ sứ. Các châu huyện vẫn giữ như cũ. Khi nhà Nam Hán sang chiếm, một thời họ đã đặt Lý Tiên làm thứ sử Giao châu, nhưng chức Tĩnh Hải tiết độ sứ vẫn được giữ. Các châu khác như Phong châu, Ai Châu, Hoan châu không có gì thay đổi.

VIII. DAN SỐ CỔ VIỆT TRONG THỜI BẮC THUỘC.

Trong thời Bắc thuộc dài đằng đằng hơn một nghìn năm, vấn đề dân số ở vùng cổ Việt không được minh bạch lắm. Tài liệu viết về thời đó đôi khi cho biết số «hộ», số «khẩu» của một địa phương, nhưng không được đầy đủ vì có khi được «hộ» thiếu «khẩu», có khi thiếu cả hai. Lại, số «hộ» và «khẩu», mặc dầu có vẻ được kê khai cẩn thận, vẫn không có gì bảo đảm chắc chắn cho sự xác thực của nó, vì chúng ta không thể biết rõ được về căn bản chính quyền lúc đó dựa vào để kiểm tra. Hỏi khi nêu lên số «hộ», mỗi «hộ» như vậy có phải là bao hàm một số «khẩu» nào nhất định không? Và hỏi số «khẩu» đây có phải gồm tất cả mọi người có miệng để ăn, hay chỉ nói về đàn ông, và đàn ông ở vào một hạn tuổi, hay một cấp bậc xã hội nào mà thôi không? Rồi, số đàn ông bị giới hạn lại như vậy, có phải là đàn ông gồm cả thổ dân và người Tàu đến định cư, hay chỉ gồm một trong hai thứ người đó? Để có thể giải quyết được phần nào những vấn đề như thế, chúng ta nên nhìn qua xem các tài liệu để lại cho chúng ta những gì về dân số. Sau đây là bản thông kê của một số sách địa chí :

1) *Tiền Hán thư* :

	Giao chl	Cửu châu	Nhật nam
Hộ	92.440	33.743	15.460
Khẩu	706.237	166.013	65.485

2) *Hậu Hán thư* :

	Hộ	Khẩu	thiếu	thiếu
Hộ	thiếu	46.513	18.263	
Khẩu	thiếu	209.894	100.676	

3) *Tần thư* :

	Tên quận	Sở hộ
Giao chl		12.000
Tân xương		3.000
Võ bình		5.000
Cửu châu		3.000
Cửu đức		thiếu
Nhật nam		600

4) *Tống thư* :

Giao chl	4.933
Võ bình	1.490
Cửu châu	2.328
Cửu đức	809
Nhật nam	402

5) *Tùy thư* :

Giao chl	30.056
Cửu châu	16.135
Nhật nam	9.815
Bắc cảnh	1.815
Hải âm	1.220
Lâm áp	1.220

6) *Đường thư* :

	Hộ		Khẩu	
	I	II	I	II
Giao châu	17.523	14.230	88.788	99.652

Phong châu	5.444	1.910	6.435	
Trường châu	648			
Phúc lộc châu	317			
Hoan châu	6.579	9.619	16.689	500.818
Lục châu	494			2.674
Lan châu	1.200			5.300
Võ nga châu		1.850		5.320
Ái châu	14.700			

Nhìn vào bản thông kê trên, chúng ta nhận thấy ngay rằng việc nghiên cứu sẽ gặp nhiều khó khăn, trước là vì khu vực các đơn vị hành chính không giống nhau qua các triều đại, trái lại giới hạn thay đổi nhiều lần, khi lớn, khi bé, khác nhau. Như thế không thể dễ dàng đem số hộ hay số khẩu của triều đại này so sánh với của triều đại sau, chỉ trừ trong trường hợp nhà Hán là các quận giữ y nguyên được khá lâu.

Một nhận xét nữa đáng chú ý là số hộ và số khẩu không tương đương với nhau, có khi hộ nhiều mà khẩu ít, có khi khẩu nhiều mà hộ lại ít, xét một cách tương đối. Chúng ta có một ví dụ cụ thể ở *Đường thư*. Sách địa chỉ của bộ sử này cung cấp số hộ và khẩu của hai thời khác nhau, một lần là vào hạ bán thế kỷ thứ bảy và lần sau là vào thời mạt Đường. Thử nhìn vào Hoan châu chẳng hạn, chúng ta có:

	hộ	khẩu
lần trước	6.579	16.687
lần sau	9.919	500.818

Bởi đó, muốn biết chắc về sự tăng giảm của dân số qua các thời đại, cần thiết phải có con số khẩu; trong những trường hợp thiếu số khẩu, như phần nhiều các trường hợp về cổ Việt, và chỉ có thể dựa vào số hộ để tìm hiểu, thì số hộ phải cách biệt nhau khá lớn mới bảo đảm được một sự khác nhau về dân số.

Sự thực, số hộ cũng như số khẩu cách biệt nhau rất xa giữa triều đại này đến triều đại khác và nhiều lần trong một triều đại cũng vậy. Ngay trong thời Hán, sự cách biệt giữa Tây Hán và Đông Hán đã rất rõ rệt. So sánh số khẩu thuộc hai thời của các quận Cửu châu và Nhật nam, chúng ta thấy: Cửu châu thêm đến (209.894 — 166.013) 43.881 khẩu.

Nhật nam thêm đến (100.676 — 65.485) 35.191 khẩu.

Thêm nhiều như vậy, mà xuống cũng nhiều. Con số khẩu của Nhật nam đọc được trong *Hậu Hán thư* là ở vào lỗi đầu thế kỷ thứ ba, vậy mà vào hạ bán thế kỷ thứ bảy, con số khẩu trong *Đường thư* của Hoau châu, tức là của phần đất của vùng Nhật nam cũ, chỉ có 16.689.

Sự tăng giảm một cách khác thường đó càng thấy được rõ hơn khi nhìn vào các con số hộ qua các triều đại. Về việc so sánh số hộ, có một điều cần phải làm trước, là tìm cho được những khu vực giống nhau để làm nền tảng cho sự tăng hay giảm. Ví dụ khu vực Giao chỉ của thời Hán phải gồm cả Giao chỉ, Tân xương, Võ Bình của thời Tấn, hay là cả Giao châu, Phong châu, Lục châu, Võ nga châu (Lan châu nằm ngoài) của thời Đường. Bởi đó, số hộ của Giao chỉ qua các tài liệu sẽ như thế này:

Tên tài liệu	Số hộ vùng Giao chỉ
<i>Tiền Hán thư</i>	92.440
<i>Tần thư</i>	12.000
	3.000
	5.000
	20.000
<i>Tống thư</i>	4.933
<i>Tây thư</i>	6.423
	30.056

<i>Đường thư</i>	24.230	
	1.920	
	494	
	1.850	28 090

Sự lên xuống đột ngột của dân số cổ Việt đó bắt chúng ta phải suy nghĩ. Chắc chắn nó không phải dựa vào sự phát triển bình thường của dân một địa phương, vì sự phát triển bình thường của dân trong một khoảng thời gian khá dài như một thế kỷ hay hơn nữa, phải diễn biến dần dần, chứ không đột ngột. Sự đột ngột có thể xảy ra, ví dụ sau một thời chiến tranh hay sau một thiên tai, một cơn dịch, v.v.... nhưng đó là khi nói về một quãng thời gian vẫn kia. Với những đơn vị thời gian dài, như thế kỷ hay hơn nữa, chúng ta có thể nghĩ rằng đơn vị nào cũng gồm có thiên tai, giặc giã, và như thế các biến cố đó không còn là một động cơ thật thường cho sự tăng giảm dân số. Những tài liệu kê ra trên đây được chép cách nhau bởi những quãng thời gian khá lớn, nên chúng ta phải lập luận theo căn bản những đơn vị dài. Vậy nguyên do của sự tăng giảm dân số thật thường của cổ Việt là tại đâu?

Nếu dân số cổ Việt tăng giảm không phải do một động cơ bình thường thì tất phải do những động cơ thật thường. Nói rằng không do một động cơ bình thường có nghĩa là không bắt nguồn từ dân địa phương của các quận Giao chỉ, Cửu châu, Nhật nam. Giả sử dựa vào sự kiểm tra dân các quận đó, tất đã có một sự tăng giảm đều đều, lũy tiến. Nhưng nếu nó phát tích từ những động cơ thật thường, thì những động cơ thật thường này là gì? Đó chỉ có thể là sự di cư đến hay tản cư đi, hoặc là một sự thay đổi trong quan

niệm về người dân, ví dụ trước kê vào sổ người dân cả thổ dân cả người Trung quốc định cư, và sau chỉ kê có người Trung quốc mà thôi chẳng hạn.

Phải nhận rằng dân số cổ Việt sao cũng có một thành phần gồm người Trung quốc di cư đến, nhưng không thể nào tiên quyết được rằng dân số đó chỉ gồm người Trung quốc di cư đến. Nếu sự kiểm tra chỉ căn cứ vào người Trung quốc thì chắc hẳn dân số vào cuối thời Tây Hán không làm sao có được nhiều như thế:

Giao chỉ	706.236	khẩu
Cửu chân	165.013	—
Nhật nam	65.485	—

Tuy nhiên cũng không thể quyết được rằng những con số đó chỉ gồm người địa phương, vì những lý lẽ dựa vào sự tăng giảm đột ngột đã bàn đến trên.

Nhưng có phải bao giờ sự kiểm tra cũng gồm cả người địa phương và người Trung quốc đến định cư không? Có lẽ không phải bao giờ cũng như vậy. Chúng ta có thể hoài nghi là vì sự giảm xuống quá khác thường của số hộ giữa Hậu Hán thư và Tân thư. Cửu chân chẳng hạn đã giảm từ 46.518 xuống 3.000 và Nhật nam từ 18.263 xuống 600! Sự giảm sút này không thể cắt nghĩa được bởi sự tản cư của người Trung quốc bỏ đất cổ Việt để về nước. Cứ sự thường, người Trung quốc di cư sang cổ Việt rất nhiều trong những thời ở Trung quốc có loạn, và khi yên ổn mới có một số tản cư để trở về. Mà sau thời Đông Hán kê đến thời Tam quốc, là một thời không yên ổn gì ở Trung quốc, nên người Trung

quốc sang thêm nữa thì có, chứ đâu nói đến chuyện trở về, vậy sao số hộ lại sút, và sút một cách kinh khủng đến thế?

Chúng tôi thiết nghĩ nguyên do sự sụt giảm to tát đó ở tại sự thay đổi quan niệm về người dân nơi các nhà cầm quyền ở cổ Việt. Về trước, họ kê vào sổ người dân tất cả những ai sinh sống tại đây, còn sau thời Hán, vì người Trung quốc đến định cư đã đông đảo, những khi kiểm tra, họ chỉ ghi vào sổ những người đồng bào với họ và loại bỏ thổ dân ra, liệt hạng này vào loại man di. Bởi chỉ đáng tịch có người Trung quốc định cư, nên con số ít lại, nhưng ít như vậy cũng có nghĩa là nhiều.

Một sự kiện tăng bổ cho ý kiến vừa nói, đó là kê từ sau thời Hán danh từ Lạc việt không còn được nhắc đến nữa. Không thể nói được rằng dân đó đã hoàn toàn đồng hóa với người Hán, vì mãi đến ngày nay, con cháu của dân đó vẫn duy trì những nét riêng của họ như dân Mường, dân Mọi. Cũng không nói được là họ đã bị tiêu diệt, vì lịch sử không hề để lại dấu tích gì khả dĩ giải thích được theo hướng đó. Chỉ còn có thể hiểu được cách này thôi là bây giờ dân Lạc việt đã trở thành một thiểu số không đáng kể bên cạnh người Trung quốc càng ngày càng đông thêm, nên đối với lớp dân mới này họ cũng không khác gì các dân man di khác.

Như thế, có thêm một chứng nữa về sự dân Việt Nam là do dân Trung quốc di cư đến.

CHU THÍCH

1. Ban Cố, **Tiền Hán Thư**, quyển 28 hạ, Địa lý Chí, trang 426, cột 4; trang 427, cột 1.
2. Phạm Việt, **Hậu Hán Thư**, quyển 33, Quận Quốc Chí, trang 710, cột 4; và trang 711, cột 1.
3. Đường Thái Tông Văn Hoàng Đế, **Tán Thư**, quyển 15, Địa lý Hạ, trang 1120, 3 và 4.
4. **Cùng một chỗ như trên.**
5. Lương Trâm Úc, **Tống Thư**, quyển 38, Châu Quận Chí, trang 1540, cột 4 và trang 1541, 1.
6. Trương Iêu và Vô Kỵ, **Tùy Thư**, quyển 31 Địa lý Hạ, trang 2440, cột 1 và 2.
7. Lê Hu, **Đường Thư**, quyển 41, Địa lý Túc, trang 3239, cột 2-4 và trang 3.40, cột 1.
- Âu Dương Tu, **Tán Đường Thư**, quyển 43, Địa lý Chí, trang 3735, 2, 3, và 4.

8. Xem « Chính trị cổ Việt » dưới thời Tống. Bảy giờ giặc lâm Áo đã làm cho dân cổ Việt chết hại quá sức nhiều.

CHƯƠNG THỬ TÂM

**Chính trị cổ Việt
dưới thời Bắc thuộc**